

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tam

2. Bà Nguyễn Thị Kim Yến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Trần Thị Thủy
– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 814/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 1352/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ1

Địa chỉ: **Số B, N, T, Quận H, thành phố Hà Nội.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông **Lê Vĩnh K**, sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc quản lý khách hàng.

2/ Ông **Nguyễn Nhật T**, sinh năm 1996, chức vụ: Chuyên viên tố tụng.
(Theo văn bản ủy quyền số 2065/UQ-PVB ngày 05/4/2021).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1982 và bà **Phạm Thị T1**, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: **tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

(Ông **T** có mặt, ông **Đ** và bà **T2** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn do ông Nguyễn Nhật T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ1 trình bày:

Ngày 26/8/2016, Ngân hàng TMCP Đ1 có ký hợp đồng tín dụng số 2708/2016/HĐTD/PVC-DNI với ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T3 để cho vay số tiền 460.000.000đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Mục đích vay mua xe ô tô; Thời hạn vay là 72 tháng; Lãi suất vay 7,99%/tháng, áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay được điều chỉnh lần đầu tiên là ngày 26/8/2017, các lần tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần... Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc và trả lãi vào ngày 26 hàng tháng theo số dư nợ thực tế.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Chiếc xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota, loại CORALLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, biển số 60A-310.20, số khung RL4BU9HE3G7509813, số máy 2ZRX585095, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060586 do Phòng C – Công an tỉnh Đ cấp ngày 26/8/2016 cho ông Nguyễn Văn Đ. Hợp đồng thế chấp tài sản số 2708/2016/HĐBĐ/PVB- DNI ngày 26/8/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà T3 đã nhận đủ số tiền và đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ1 được tổng số tiền 241.062.234 đồng (Trong đó, thanh toán số tiền nợ gốc được 159.750.000đồng và thanh toán tiền lãi 81.312.234đồng). Kể từ ngày 17/5/2019 đến nay, ông Đ, bà T3 không thanh toán thêm bất cứ khoản nào.

Nay Ngân hàng TMCP Đ1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và Phạm Thị T3 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ1 toàn bộ khoản tiền nợ còn lại là 580.892.579đồng; trong đó nợ gốc là 300.250.000đồng, nợ lãi 280.652.579đồng. Buộc ông Đ, bà T3 phải thanh toán nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng số 2708/2016/HĐTD/PVC-DNI ngày 26/8/2016, kể từ ngày 09/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và Phạm Thị T3 không thanh toán được khoản nợ trên đề nghị sử dụng tài sản thế chấp được dùng để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T3 vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ1 với mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T3 đầy đủ. Qua xác minh được biết ông Đ, bà T3 không còn sinh sống tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Xét thấy, có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo. Theo đơn yêu cầu của nguyên đơn về việc thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T3 là bị đơn trong vụ án. Tuy nhiên, ông Đ, bà T3 vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Việc trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi của mình vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của đương sự nhưng do với ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T3 cố tình không đến Tòa làm việc, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì mặc nhiên với ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T3 thừa nhận là có vay tiền của Ngân hàng theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án chỉ có thể căn cứ trên lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Qua trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Ngày 26/8/2016, Ngân hàng TMCP Đ1 có ký hợp đồng tín dụng số 2708/2016/HĐTD/PVC-DNI với ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T3 để cho vay số tiền 460.000.000đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) Mục đích vay mua xe ô tô; Thời hạn vay là 72 tháng; Lãi suất vay 7,99%/năm, 1 cố định trong 12 tháng đầu tiên, thời gian tiếp theo lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cao nhất cộng biên độ 3,8%/năm. Thực hiện hợp đồng thì bị đơn đã trả được một phần nợ gốc và nợ lãi. Tính đến ngày hôm nay (08/9/2023) thì bị đơn còn nợ của Ngân hàng số tiền nợ gốc là tiền là: 580.892.579đồng (trong đó nợ gốc: 300.250.000đồng, nợ lãi: 280.652.579đồng).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Chiếc xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota, loại CORALLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, biển số 60A-310.20, số khung RL4BU9HE3G7509813, số máy 2ZRX585095, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060586 do Phòng C – Công an tỉnh Đ cấp ngày 26/8/2016 cho ông Nguyễn

Văn Đ. Hợp đồng thế chấp tài sản số 2708/2016/HĐBĐ/PVB- DNI ngày 26/8/2016.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ1** là có cơ sở bởi bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ1** nợ gốc: 300.250.000đồng, nợ lãi: 280.652.579đồng, tổng cộng: 580.892.579đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Về yêu cầu đưa tài sản thế chấp vào đảm bảo thi hành án nếu bị đơn không thanh toán được nợ. Nhận thấy:

Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** đã dùng tài sản đảm bảo thế chấp là Chiếc xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota, loại CORALLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, biển số 60A-310.20, số khung RL4BU9HE3G7509813, số máy 2ZRX585095, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060586 do **Phòng C – Công an tỉnh Đ** cấp ngày 26/8/2016 cho ông **Nguyễn Văn Đ**. Sau khi lập hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng chỉ giữ giấy đăng ký xe bản chính còn xe thì ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** quản lý. Do vậy, xét thấy hợp đồng thế chấp xe ô tô giữa Ngân hàng với ông **Đ**, bà **T3** là có hiệu lực pháp luật vì đã được ký giao dịch có bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc nếu bị đơn ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu dùng Chiếc xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota, loại CORALLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, biển số 60A-310.20, số khung RL4BU9HE3G7509813, số máy 2ZRX585095 để đảm bảo thi hành án.

[4] Về chi phí tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nguyên đơn đã nộp 10.000.000đồng chi phí đăng trên cổng thông tin đại chúng. Do yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Đ1** được chấp nhận, nên ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** phải hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP Đ1** chi phí đăng trên cổng thông tin đại chúng là 10.000.000đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của **Ngân hàng TMCP Đ1** được chấp nhận nên **Ngân hàng TMCP Đ1** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** phải chịu 27.235.703 đồng (*Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Đ1** đối với ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Đ1** số tiền là 580.892.579 đồng (*Năm trăm tám mươi triệu tám trăm chín mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*), (trong đó nợ gốc: 300.250.000 đồng, nợ lãi: 280.652.579 đồng).

- Kể từ ngày 09/9/2023, ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2708/2016/HĐTD/PVC-DNI ngày 26/8/2016; Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng ngày 26/8/2016; Khế ước nhận nợ số 2708/2016/KUNN/PVB-DNI ngày 26/8/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Nghĩa vụ thanh toán nêu trên được đảm bảo thanh toán bằng tài sản đã thế chấp là Chiếc xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Toyota, loại CORALLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, biển số 60A-310.20, số khung RL4BU9HE3G7509813, số máy 2ZR585095, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060586 do **Phòng C – Công an tỉnh Đ** cấp ngày 26/8/2016 cho ông **Nguyễn Văn Đ**. Hợp đồng thế chấp tài sản số 2708/2016/HĐBĐ/PVB - DNI ngày 26/8/2016 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP Đ1** với ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T1**, được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 26/8/2016.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** có trách nhiệm hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Đ1** số tiền chi phí đăng trên cổng thông tin đại chúng là 10.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Phạm Thị T3** phải chịu 27.235.703 đồng (*Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Đ1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.269.000 đồng (*Chín triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng*), theo biên lai thu

số 0007649 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Ngân hàng TMCP Đ1, ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T3 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải